



**Building a better
working world**

Ernst & Young Vietnam Limited
28th Floor, Bitexco Financial Tower
2 Hai Trieu Street, District 1
Ho Chi Minh City, S.R. of Vietnam

Tel: +84 8 3824 5252
Fax: +84 8 3824 5250
ey.com

Số tham chiếu: 61002130/18604023-HN/LR

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các cổ đông của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn ("Ngân hàng") và các công ty con được lập ngày 12 tháng 8 năm 2016 và được trình bày từ trang 6 đến trang 77 bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Điều hành Ngân hàng

Ban Điều hành Ngân hàng chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam, các văn bản phê duyệt và chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Ngân hàng và các công ty con vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Ngân hàng và các công ty con cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam, các văn bản phê duyệt và chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Đặng Phương Hà
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2400-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 12 tháng 8 năm 2016

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
tại ngày 30 tháng 6 năm 2016

B02a/TCTD-HN

	<i>Thuyết minh</i>	<i>Số dư cuối kỳ triệu đồng</i>	<i>Số dư đầu kỳ triệu đồng</i>
TÀI SẢN			
Tiền mặt và vàng bạc	6	2.536.563	2.327.014
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	7	3.504.392	3.766.305
Tiền gửi tại và cho vay các tổ chức tín dụng ("TCTD") khác	8	14.148.644	17.765.281
Tiền gửi tại các TCTD khác	8.1	12.483.566	17.340.400
Cho vay các TCTD khác	8.2	1.665.078	424.881
Chứng khoán kinh doanh	9	60.828	32.090
Chứng khoán kinh doanh		70.464	42.212
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(9.636)	(10.122)
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	10	186.496	295.339
Cho vay khách hàng		198.528.548	169.228.314
Cho vay khách hàng	11	200.077.814	170.461.787
Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	13	(1.549.266)	(1.233.473)
Hoạt động mua nợ	12	119.255	119.255
Mua nợ		148.374	148.374
Dự phòng rủi ro hoạt động mua nợ		(29.119)	(29.119)
Chứng khoán đầu tư	14	65.265.088	65.485.179
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán		45.248.014	41.052.824
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn		23.916.522	27.488.960
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư		(3.899.448)	(3.056.605)
Góp vốn, đầu tư dài hạn	15	71.908	84.834
Đầu tư dài hạn khác		72.088	85.014
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		(180)	(180)
Tài sản cố định		3.942.091	3.965.939
Tài sản cố định hữu hình	16.1	1.899.852	1.909.441
Nguyên giá		2.594.026	2.552.200
Khấu hao lũy kế		(694.174)	(642.759)
Tài sản cố định vô hình	16.2	2.042.239	2.056.498
Nguyên giá		2.176.935	2.172.694
Hao mòn lũy kế		(134.696)	(116.196)
Bất động sản đầu tư	17	46.582	46.731
Nguyên giá		47.128	47.128
Khấu hao lũy kế		(546)	(397)
Tài sản Có khác	18	51.367.600	48.397.398
Các khoản phải thu		19.044.552	20.299.032
Các khoản lãi, phí phải thu		32.100.700	27.678.210
Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	24.2	6.815	6.815
Tài sản Có khác		368.473	790.933
Dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác		(152.940)	(377.592)
TỔNG TÀI SẢN		339.777.995	311.513.679

Vg.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2016

B02a/TCTD-HN

	<i>Thuyết minh</i>	<i>Số dư cuối kỳ triệu đồng</i>	<i>Số dư đầu kỳ triệu đồng</i>
NỢ PHẢI TRẢ			
Các khoản nợ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	19	30.870	8.895.156
Tiền gửi và vay các TCTD khác	20	25.886.979	23.207.536
Tiền gửi của các TCTD khác	20.1	9.723.281	9.589.583
Vay các TCTD khác	20.2	16.163.698	13.617.953
Tiền gửi của khách hàng	21	287.047.481	255.977.884
Phát hành giấy tờ có giá	22	3.641.000	1.006.000
Các khoản nợ khác	23	7.684.756	6.974.995
Các khoản lãi, phí phải trả		6.262.132	5.493.843
Các khoản phải trả và công nợ khác		1.422.624	1.481.152
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		324.291.086	296.061.571
VỐN CHỦ SỞ HỮU			
Vốn	25	14.303.049	14.303.049
Vốn điều lệ		14.294.801	14.294.801
Vốn đầu tư xây dựng cơ bản		45	45
Thặng dư vốn cổ phần		95.912	95.912
Cổ phiếu quỹ		(87.709)	(87.709)
Các quỹ dự trữ		438.236	438.236
Lợi nhuận chưa phân phối		562.014	499.512
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	26	183.610	211.311
TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU		15.486.909	15.452.108
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		339.777.995	311.513.679

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2016

B02a/TCTD-HN

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

	<i>Thuyết minh</i>	<i>Số dư cuối kỳ triệu đồng</i>	<i>Số dư đầu kỳ triệu đồng</i>
Bảo lãnh vay vốn		57.556	15.936
Cam kết mua ngoại tệ		1.483.014	6.117.361
Cam kết bán ngoại tệ		1.403.204	2.162.749
Cam kết mua ngoại tệ giao dịch hoán đổi		5.852.367	3.642.690
Cam kết bán ngoại tệ giao dịch hoán đổi		8.000.979	10.991.528
Cam kết trong nghiệp vụ thư tín dụng		223.751	256.561
Bảo lãnh khác		1.091.505	692.064
Các cam kết khác		3.024.626	243.500
	40	21.137.002	24.122.389

Người lập:



Bà Thái Khánh Vân
Giám đốc Kế toán

Người kiểm soát:



Ông Nguyễn Tuấn Cường
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Ông Võ Tấn Hoàng Văn
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 12 tháng 8 năm 2016

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

B03a/TCTD-HN

	Thuyết minh	Kỳ này triệu đồng	Kỳ trước triệu đồng
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	28	11.521.532	10.485.436
Chi phí lãi và các khoản chi phí tương tự	29	(9.925.649)	(8.367.803)
Thu nhập lãi thuần		1.595.883	2.117.633
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ		505.217	130.372
Chi phí hoạt động dịch vụ		(208.801)	(59.137)
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	30	296.416	71.235
Lãi/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	31	8.172	(13.390)
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	32	10.977	-
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	33	215.476	132.768
Thu nhập từ hoạt động khác		145.591	81.561
Chi phí từ hoạt động khác		(5.851)	(209.604)
Lãi/(lỗ) thuần từ hoạt động khác	34	139.740	(128.043)
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	35	4.130	3.168
TỔNG THU NHẬP HOẠT ĐỘNG		2.270.794	2.183.371
Chi phí nhân viên		(474.267)	(418.739)
Chi phí khấu hao và hao mòn		(72.961)	(73.482)
Chi phí hoạt động khác		(330.603)	(799.959)
TỔNG CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG	36	(877.831)	(1.292.180)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		1.392.963	891.191
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	13	(1.261.836)	(854.267)
TỔNG LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ		131.127	36.924
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	24.1	(26.773)	(10.070)
LỢI NHUẬN SAU THUẾ		104.354	26.854
<i>Phân phối cho:</i>			
Các cổ đông phổ thông của Ngân hàng		95.881	26.554
Các cổ đông không kiểm soát	26	8.473	300
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng)	27	67	20

Người lập:

Bà Thái Khánh Vân
Giám đốc Kế toán

Người kiểm soát:

Ông Nguyễn Tuấn Cường
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Ông Võ Tấn Hoàng Văn
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 12 tháng 8 năm 2016